TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 01 - 2022
V/v Tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Phó

2/ Ông Lê Hoài Phong

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Dũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CT – TG tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, về tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Lê Thị Hồng Ch, sinh năm: 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 5, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Minh Th, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 5 , xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nguyên đơn là chị Ch đã trình bày: Chị Ch và anh Th chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khi sinh con đầu khoảng năm 2004 anh chị bắt đầu có mâu thuẫn và ly thân nhau từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp. Anh Th không lo làm ăn, có quan hệ tình

cảm với người phụ nữ khác bên ngoài về nhà thường xuyên gây gỗ nhau và chị đã cho cơ hội hàn gắn nhưng không sửa đổi. Do đó, chị Ch xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung được.

Nay về tình cảm: Chị Ch xin ly hôn với anhTh.

Về con chung: Anh chị có hai người con chung tên Lê Nhật K, sinh ngày 02/11/2003 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 15/6/2015. Ly hôn chị yêu cầu anhTh cấp dưỡng nuôi Nguyễn Nhật M mỗi tháng 2.000.000đồng đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Th trình bày tại bản khai: Anh và vợ anh chị Ch chung sống vợ chồng vào năm 2002, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc. Đến năm 2004, anh có thời gian bỏ vợ con không lo, vợ chồng có cự cải nhau, sau đó vợ anh khuyên anh nên anh có quan tâm vợ con và gia đình, anh phụ vợ anh bán trái cây tại chợ Thạnh Trị, thành phố Mỹ Tho. Sau đó vợ anh đi tập lái xe ô tô và có quen người đàn ông khác vào năm 2020. Đến đầu năm 2021 anh đi làm tại Công ty MTP và ở tại Công ty cho đến nay. Nay vợ anh xin ly hôn, anh không đồng ý vì còn thương vợ con. Anh muốn cho vợ anh thời gian để sửa đổi, anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng lo cho các con đến tuổi trưởng thành.

Về con chung: Anh chị có hai người con chung tên Lê Nhật K, sinh ngày 02/11/2003 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 15/6/2015. Ly hôn vợ anh chị Ch yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi Nguyễn Nhật M mỗi tháng 2.000.000đồng đến tuổi trưởng thành, anh đồng ý để chị Ch nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Anh Th vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn chị Ch trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật. Riêng anh Th không thực hiện đúng.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ch. Cho chị Ch được ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Nhật M, sinh ngày 15/6/2015 cho chị Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận anhTh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Về tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Chị Ch xin ly hôn với anh Th, địa chỉ ấp 5, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ch Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Th được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anhTh.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn: Chị Ch và anh Th chung sống vợ chồng từ năm 2002 có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng anhTh, chị Ch sống hạnh phúc, đến năm 2004 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau. Cụ thể anhTh không quan tâm chăm sóc vợ con, không lo làm ăn, sau đó anh chị hàn gắn lại nhưng vẫn sống không có hạnh phúc và phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh chị cũng đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Xét thấy, tình cảm giữa chị Ch và anhTh đã có mâu thuẫn trầm trọng, giữa anh chị đã có thời gian ly thân và hàn gắn tình cảm lại nhưng vẫn sống không hạnh phúc được, anh chị cũng đã có thời gian ly thân nhau khá lâu, anhTh không đồng ý ly hôn với chị Ch vì lý do còn thương vợ con và muốn vợ chồng hàn gắn lại để nuôi con, chị Ch không đồng ý, anhTh không đưa ra giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ sống hạnh phúc. Do đó, nay chị Ch xin ly hôn với anh Th là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ch, cho chị Ch được ly hôn với anh Th.

[3] Về con chung: Chị Ch và anhTh có 02 người con chung tên Lê Nhật K, sinh ngày 02/11/2003 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 15/6/2015. Ly hôn chị Ch yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Chị yêu cầu anhTh cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhật M mỗi tháng 2.000.000đồng, anhTh đồng ý để chị Ch nuôi con chung và đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu chị Ch. Xét con chung đamg sống chung với chị Ch và được chăm sóc chu đáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về con chung của chị Ch. Giao con chung cho chị Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anhTh cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhật M mỗi tháng 2.000.000đồng đến khi cháu tròn 18 tuổi, có khả năng lao động.

[4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Ch chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (phần cấp dưỡng) theo quy định pháp luật.

Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Ch Thành, tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ Khoản 1 Điều 35, Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình,

- Căn cứ theo Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng Ch. Cho chị Lê Thị Hồng Ch được ly hôn anh Nguyễn Minh Th.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Nhật M, sinh ngày 15/6/2015 cho chị Ch được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhật M mỗi tháng 2.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực đến khi cháu Minh 18 tuổi lao động được. AnhTh có quyền đến thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng Ch phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003537, ngày 27 – 10 - 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành – Tiền Giang, được trừ vào tiền án phí xem như nộp xong.

Anh Nguyễn Minh Th phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Minh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thúy